

BẢN TIN THÔNG TIN THUỐC

Nội dung: Thời điểm dùng thuốc so với bữa ăn

TT	HOẠT CHẤT	TÊN THUỐC	NỒNG ĐỘ-HÀM LƯỢNG	DẠNG BÀO CHẾ	THỜI ĐIỂM DÙNG THUỐC				CHÚ Ý
					Trước khi ăn	Trong khi ăn	Sau khi ăn	Không phụ thuộc bữa ăn	
THUỐC GIẢM ĐAU, HẠ SỐT, CHỐNG VIÊM KHÔNG STEROID									
1	Celecoxib	ZYCEL 100	100mg	Viên nang cứng				X	[1]
2	Ibuprofen	IBUPROFEN STELLA 600MG	600mg	Viên nén bao phim			X		
3	Paracetamol	Hapacol 150	150mg	thuốc bột sủi bột				X	[1]
4	Paracetamol	Panactol	500mg	Viên nén dài				X	[1]
5	Paracetamol	Partamol Tab.	500mg	Viên nén				X	[1]
6	Paracetamol + Clorpheniram in maleat	Rhetanol	500mg + 2mg	Viên nang cứng				X	[1]
7	Meloxicam	Meloxicam-Teva 7.5mg	7,5mg	Viên nén				X	[1]
8	Meloxicam	Coxnis	7,5mg	Viên nén				X	Uống vào lúc no hoặc bất cứ lúc nào [1]
THUỐC ĐIỀU TRỊ GÚT									
9	Allopurinol	Allopurinol	300mg	Viên nén				X	[1]
10	Colchicin	Colchicin	1mg	Viên nén				X	[2]
THUỐC CHỐNG DỊ ỨNG VÀ DÙNG TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP QUÁ MÃN									

TT	HOẠT CHẤT	TÊN THUỐC	NỒNG ĐỘ-HÀM LƯỢNG	DẠNG BẢO CHẾ	THỜI ĐIỂM DÙNG THUỐC				CHÚ Ý
					Trước khi ăn	Trong khi ăn	Sau khi ăn	Không phụ thuộc bữa ăn	
11	Chlorpheniramin	Clorpheniramin maleat 4mg	4mg	Viên nang cứng				X	[1]
12	Fexofenadin	Danapha - Telfadin	60mg	Viên	X				[2]
13	Loratadin	Ticevis 10mg	10 mg	Viên nén				X	[2]
14	Loratadin	Loravidi	10mg	Viên nén, uống				X	[2]
THUỐC CHỐNG NHIỄM KHUẨN									
15	Amoxicilin	Moxilen 500mg	500mg	Viên nang cứng				X	[1]; [2]
16	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrat compacted)	Moxacin 500 mg	500mg	Viên nang cứng				X	[1]; [2]
17	Cefaclor	Dazofort	375mg	Viên nén bao phim giải phóng kéo dài				X	Thuốc có thể uống vào lúc đói hoặc lúc no. Tuy nhiên uống vào lúc no thuốc được hấp thu tốt hơn. Viên thuốc không được cắt, nghiền nát hoặc nhai [1]
18	Cefalexin	Primocef 500mg	500mg	Viên nang cứng				X	[2]
19	Cefalexin	Cephalexin PMP 500	500mg	Viên nang cứng				X	[2]
20	Metronidazol	Metronidazol 250	250mg	Viên nén			X		[2]

TT	HOẠT CHẤT	TÊN THUỐC	NỒNG ĐỘ-HÀM LƯỢNG	DẠNG BÀO CHẾ	THỜI ĐIỂM DÙNG THUỐC				CHÚ Ý
					Trước khi ăn	Trong khi ăn	Sau khi ăn	Không phụ thuộc bữa ăn	
21	Metronidazol	Metronidazol	250mg	Viên nén			X		[2]
22	Azithromycin	PymeAzi 250	250mg	Viên nang cứng				X	Uống 1h trước bữa ăn hoặc 2h sau khi ăn [1]
23	Spiramycin + Metronidazol	ZidocinDHG	750.000 IU + 125mg	viên nén bao phim		X			[1]
24	Spiramycin + Metronidazol	Rodogyl	750.000 IU + 125mg	Viên		X			[1]
25	Cefadroxil	Xitoran	500mg	Viên nang cứng		X			[2]
26	Levofloxacin	LEVODHG 500	500mg	viên nén bao phim				X	[2]
27	Cefpodoxim	Vipocef 100	100mg	Viên nén bao phim		X			[1]
28	Ciprofloxacin	Cifga	500mg	Viên nén dài bao phim			X		[1]
THUỐC CHỐNG VIRUT									
29	Aciclovir	Acyclovir Stella 800mg	800mg	Viên nén				X	[1]
30	Aciclovir	Aciclovir 200mg	200mg	Viên nén				X	[1]
THUỐC ĐIỀU TRỊ BỆNH ĐƯỜNG TIẾT NIỆU									
31	Alfuzosin hydrochlorid e	Prolufo	10mg	Viên nén bao phim giải phóng chậm		X	X		[2]
32	Alfuzosin hydrochlorid	Alanboss XL 10	10mg	Viên nén phóng thích kéo dài		X	X		[2]
33	Tamsulosin HCl	FLOEZY	0.4 mg	Viên nén phóng thích kéo dài			X		[2]

TT	HOẠT CHẤT	TÊN THUỐC	NỒNG ĐỘ-HÀM LƯỢNG	DẠNG BÀO CHẾ	THỜI ĐIỂM DÙNG THUỐC				CHÚ Ý
					Trước khi ăn	Trong khi ăn	Sau khi ăn	Không phụ thuộc bữa ăn	
THUỐC CHỐNG ĐAU THẮT NGỰC									
34	Nicorandil	Pecrandil 5	5mg	Viên nén				X	[2]
35	Trimetazidin	Vaspycar MR	35mg	Viên phóng thích có kiểm soát		X			[1]; [2]
36	Trimetazidin e dihydrochloride	Trimpol MR	35mg	Viên nén giải phóng chậm		X			[1]; [2]
THUỐC ĐIỀU TRỊ TĂNG HUYẾT ÁP									
37	Amlodipin	AMLODIPINE STELLA 5MG	5mg	Viên nén				X	[2]
38	Bisoprolol + hydrochlorothiazid	Bisoplus HCT 5/12.5	5mg +12,5mg	Viên nén bao phim				X	Thuốc nên dùng vào buổi sáng [1]
39	Candesartan	Candesartan Stella 8mg	8mg	Viên nén				X	[2]
40	Candesartan + hydrochlorothiazid	Acantan HTZ 8-12.5	8mg + 12,5mg	Viên nén				X	Thuốc có thể uống lúc no hoặc xa bữa ăn [1]
41	Captopril	Mildocap	25mg	Viên nén				X	[1]
42	Enalapril maleat	Zondoril 10	10mg	Viên nang cứng				X	[1]
43	Enalapril + hydrochlorothiazid	Enaplus HCT 10/25	10 mg + 25 mg	Viên			X		
44	Felodipin	Bidifolin MR 5mg	5mg	Viên nén bao phim giải phóng kéo dài				X	Thuốc nên được uống cùng bữa ăn nhẹ. Nuốt nguyên viên thuốc khi uống [2]
45	Losartan + hydrochlorothiazid	Agilosart - H 100/12,5	Losartan (kali) 100mg	Viên nén bao phim				X	[1]

TT	HOẠT CHẤT	TÊN THUỐC	NỒNG ĐỘ-HÀM LƯỢNG	DẠNG BÀO CHẾ	THỜI ĐIỂM DÙNG THUỐC				CHÚ Ý
					Trước khi ăn	Trong khi ăn	Sau khi ăn	Không phụ thuộc bữa ăn	
	azid		+ hydrochlorothi azid 12,5mg						
46	Nebivolol (dưới dạng Nebivolol HCl)	Khouma	5mg	Viên nén		X			[2]
47	Nifedipin	Cordaflex	20mg	Viên nén bao phim giải phóng chậm				X	Uống nguyên viên thuốc với nước, cùng hoặc không cùng với thức ăn. Không dùng chung với nước ép bưởi chùm [1]; [2]
48	Nifedipin	Nifedipin Hasan 20 Retard	20mg	viên nén bao phim tác dụng kéo dài				X	Uống nguyên viên thuốc với nước, cùng hoặc không cùng với thức ăn. Không dùng chung với nước ép bưởi chùm [1]; [2]
49	Perindopril	Perindopril 4	4mg Perindopril (erbumin hoặc tert-butylamin)	Viên nén	X				Uống một lần vào buổi sáng trước bữa ăn [1]; [2]
50	Perindopril tert-butylamin	Oceperido	4mg	Viên phân tán	X				Uống một lần vào buổi sáng trước bữa ăn [1]; [2]
51	Perindopril tert-butylamin + Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besylat)	Pechaunox	4mg + 10mg	Viên nén	X				Uống một lần vào buổi sáng trước bữa ăn [1]; [2]
52	Perindopril	SaViDopril Plus	4mg+1,25mg	Viên nén bao	X				Uống một lần vào

TT	HOẠT CHẤT	TÊN THUỐC	NỒNG ĐỘ-HÀM LƯỢNG	DẠNG BẢO CHẾ	THỜI ĐIỂM DÙNG THUỐC				CHÚ Ý
					Trước khi ăn	Trong khi ăn	Sau khi ăn	Không phụ thuộc bữa ăn	
	erbumin + Indapamid hemihydrat			phim					buổi sáng trước bữa ăn [1]; [2]
53	Telmisartan + hydrochlorothiazid	Mibetel HCT	40mg + 12,5 mg	Viên nén				X	[1]
54	Perindopril Arginine	Coversyl	5mg	Viên	X				Uống một lần vào buổi sáng trước bữa ăn [1]; [2]
THUỐC CHỐNG HUYẾT KHỐI									
55	Acid acetylsalicylic	Aspirin - 100 (100mg)	100mg	Viên bao tan trong ruột	X				Uống nguyên cả viên thuốc với ½ ly nước, không bẻ hoặc nhai thuốc trước khi uống, không nên uống cùng với thuốc kháng acid vì sẽ làm tăng độ PH của dạ dày và làm suy giảm khả năng kháng acid của lớp màng bao [1]; [2]
56	Clopidogrel	RIDLOR (75mg)	75mg	Viên nén bao phim				X	[1]
THUỐC HẠ LIPID MÁU									
57	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calcium)	Atoris 20mg	20mg	Viên nén bao phim				X	[1]
58	Fenofibrat	Bredomax 300	300mg	Viên nang cứng		X			[1]
59	Fluvastatin	Fluvastatin 20 mg	20mg	Viên nang				X	
60	Lovastatin	Vastanic 10	10mg	Viên nén				X	[1]; [2]

TT	HOẠT CHẤT	TÊN THUỐC	NỒNG ĐỘ-HÀM LƯỢNG	DẠNG BÀO CHẾ	THỜI ĐIỂM DÙNG THUỐC				CHÚ Ý
					Trước khi ăn	Trong khi ăn	Sau khi ăn	Không phụ thuộc bữa ăn	
61	Pravastatin	Myavastin 20	20mg Pravastatin (natri)	Viên nén				X	[1]; [2]
62	Simvastatin	Agisimva 20	20mg	Viên nén bao phim				X	[1]; [2]
63	Atorvastatin	Lipvar 10	10mg	Viên nén				X	[1]
64	Atorvastatin	Atrox 10	10mg	Viên nén bao phim				X	[1]
65	Rosuvastatin	Courtois	10mg	Viên nén bao phim				X	[1]
THUỐC LỢI TIỂU									
66	Furosemid	Vinzix	40mg	Viên nén				X	[1]
THUỐC KHÁNG ACID VÀ CÁC THUỐC CHỐNG LOÉT KHÁC TÁC DỤNG TRÊN ĐƯỜNG TIÊU HÓA									
67	Bismuth	BISNOL	120mg	Viên nén bao phim	X				[1]
68	Lansoprazol	Lansoprazol	30mg	Viên nang cứng	X				Uống trước ăn 30 phút, nuốt nguyên viên, không được nhai, nghiền viên thuốc [1], [2]
69	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Mylenfa II	200mg + 200mg + 20mg	Viên nén				X	Uống sau bữa ăn hoặc khi có cơn đau [1]
70	Aluminium oxyd (dưới dạng Aluminium hydroxyd) + Magnesi hydroxyd +	Suspengel	0,4g + 0,8004g + 0,08g	Hỗn dịch uống				X	[1]

TT	HOẠT CHẤT	TÊN THUỐC	NỒNG ĐỘ-HÀM LƯỢNG	DẠNG BÀO CHẾ	THỜI ĐIỂM DÙNG THUỐC				CHÚ Ý
					Trước khi ăn	Trong khi ăn	Sau khi ăn	Không phụ thuộc bữa ăn	
	Simethicone								
71	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Lahm	800mg + 611,76mg + 80mg	Hỗn dịch			X		Uống sau mỗi bữa ăn và trước khi đi ngủ [1]
72	Omeprazol (dưới dạng bao tan trong ruột chứa Omeprazol 30%)	Alzole 40mg	40mg	Viên nang cứng chứa pallet bao tan trong ruột	X				Cần nuốt thuốc nguyên vẹn không được nhai hoặc nghiền [1];[2]
73	Pantoprazol (dưới dạng Pantoprazol natri sesquihydrat)	Axitan 40mg	40mg	Viên nén bao tan trong ruột	X				Không nhai hoặc bẻ viên thuốc. Nên uống nguyên viên thuốc[1]
74	Esomeprazol	Emanera 20mg (20mg); Eso-DR 20	20mg	Viên nang cứng	X				Uống trước ăn 30 phút, nuốt nguyên viên, không được nhai, nghiền viên thuốc [1], [2]
75	Sucralfat	Cratsuca Suspension "Standard"	1g	Hỗn dịch uống	X				[1]
THUỐC ĐIỀU TRỊ TRĨ									
76	Diosmin + Hesperidin	Venokern 500mg	450mg + 50mg	Viên nén bao phim			X		[1]
HOCMON THƯỢNG THẬN VÀ NHỮNG CHẤT TỔNG HỢP THAY THẾ									
77	Methylpredni solon	Medlon 4	4mg	Viên nén			X		[1]
78	Methyl prednisolol	Methyl prednisolon 16	16mg	Viên nén			X		[1]
79	Methylpredni solon	Methylsolon 16	16mg	Viên nén			X		[1]

TT	HOẠT CHẤT	TÊN THUỐC	NỒNG ĐỘ-HÀM LƯỢNG	DẠNG BÀO CHẾ	THỜI ĐIỂM DÙNG THUỐC				CHÚ Ý
					Trước khi ăn	Trong khi ăn	Sau khi ăn	Không phụ thuộc bữa ăn	
80	Methyl prednisolon	Menison 4mg	4mg	Viên nén			X		[1]
INSULIN VÀ NHÓM THUỐC HẠ ĐƯỜNG HUYẾT									
81	Metformin HCL + Glibenclamide	GliritDHG 500mg/5mg	500mg + 5mg	viên nén bao phim		X	X		[1] [3]
82	Glibenclamid +metformin hydroclorid	Hasanbest 500/2.5	2,5mg + 500mg	viên nén bao phim		X	X		[1] [3]
83	Gliclazid	Gliclada 30mg	30mg	Viên giải phóng có kiểm soát		X			Nên uống vào bữa ăn sáng. Nuốt cả viên với nước. Không được nhai hoặc nghiền[1] [3]
84	Gliclazide	Gliclada 60mg modified - release tablets	60mg	Viên nén giải phóng kéo dài		X			Nên uống vào bữa ăn sáng. Có thể bẻ đôi Không được nhai hoặc nghiền.[1] [3]
85	Gliclazid + metformin	Melanov-M	80mg + 500mg	Viên nén		X			[2]
86	Gliclazid + metformin	Glizym-M	80mg + 500mg	Viên nén		X			[2]
87	Glimepirid	Glimsure 1	1mg	Viên nén		X			[2]
88	Glimepirid + Metformin hydroclorid	Comiaryl 2mg/500mg	2mg + 500mg	Viên nén bao phim		X			Nên uống ngay trước hoặc trong các bữa ăn [1]
89	Glimepiride + metformin Hydrochloride	Perglim M-1 Perglim M-2	1mg + 500mg 2mg + 500mg	Viên nén phóng thích chậm		X			[1]
90	Metformin	Metformin Stella 850mg	Metformin (hydroclorid)	Viên nén bao phim		X	X		[1]; [2]

TT	HOẠT CHẤT	TÊN THUỐC	NỒNG ĐỘ-HÀM LƯỢNG	DẠNG BÀO CHẾ	THỜI ĐIỂM DÙNG THUỐC				CHÚ Ý
					Trước khi ăn	Trong khi ăn	Sau khi ăn	Không phụ thuộc bữa ăn	
			850mg						
91	Metformin hydrochlorid e	STIMUFER	750mg	Viên nén phóng thích kéo dài		X	X		Nuốt nguyên viên thuốc, không được nhai. Nên uống vào bữa ăn hoặc sau bữa ăn nhằm giảm tác dụng không mong muốn trên đường tiêu hóa [1]; [2]
92	Metformin hydroclorid	Fordia MR	750mg	Viên nén bao phim phóng thích có kiểm soát		X	X		Nuốt nguyên viên thuốc, không được nhai. Nên uống vào bữa ăn hoặc sau bữa ăn nhằm giảm tác dụng không mong muốn trên đường tiêu hóa [1]; [2]
93	Sitagliptin	Mebisita 50	50mg	Viên nén bao phim				X	[2]
94	Sitagliptin	Bividia 100	100mg	Viên nén bao phim				X	[2]
95	Metformin hydroclorid	Metformin 500	500mg	Viên nén bao phim		X	X		[1]
96	Metformin hydroclorid	PANFOR SR-500	500mg	Viên nén phóng thích chậm		X	X		Nuốt nguyên viên thuốc, không được nhai. Nên uống vào bữa ăn hoặc sau bữa ăn nhằm giảm tác dụng không mong muốn trên đường tiêu hóa [1]
97	Metformin hydroclorid	Metformin Stella 1000 mg	1000mg	Viên nén phóng thích kéo dài		X	X		Nuốt nguyên viên thuốc, không được nhai. Nên uống vào

TT	HOẠT CHẤT	TÊN THUỐC	NỒNG ĐỘ-HÀM LƯỢNG	DẠNG BÀO CHẾ	THỜI ĐIỂM DÙNG THUỐC				CHÚ Ý
					Trước khi ăn	Trong khi ăn	Sau khi ăn	Không phụ thuộc bữa ăn	
									bữa ăn hoặc sau bữa ăn nhằm giảm tác dụng không mong muốn trên đường tiêu hóa [1]
HOCMON TUYẾN GIÁP, CẬN GIÁP VÀ THUỐC KHÁNG GIÁP TRẠNG TỔNG HỢP									
98	Levothyroxin	Disthyrox	Levothyroxin (natri) 0,1mg	Viên nén	X				Nên dùng vào buổi sáng [1]
99	Levothyroxin e sodium	Berlthyrox 100	100mcg	Viên nén	X				Nên dùng vào buổi sáng [1]
100	Propylthiouracil	Propylthiouracil	50mg	Viên				X	Nuốt nguyên viên (không nhai) [1]
101	Thiamazol	Thyседow 10 mg	10mg	Viên nén bao phim				X	[2]
THUỐC CHỮA HO									
102	Ambroxol	Ambroxol HCl Tablets 30mg	30mg Ambroxol (hydroclorid)	Viên			X		[2]
103	Carbocistein	Sulmuk	500mg	Viên nang cứng		X			[2]
104	Acetylcystein	Hacimux 600	600mg	Viên sủi			X		[1]
DUNG DỊCH ĐIỀU CHỈNH NƯỚC, ĐIỆN GIẢI, CÂN BẰNG ACID- BASE VÀ CÁC DUNG DỊCH TIÊM TRUYỀN KHÁC									
105	Kali clorid	Kalium Chloratum Biomedica	500mg	Viên		X	X		Khi uống thuốc không làm vỡ viên thuốc [1]
106	Magnesi aspartat + kali aspartat	Pomatat	140mg + 158mg	Viên nén bao phim			X		Acid dịch vị có thể làm giảm hiệu quả của thuốc, vì vậy nên uống thuốc nguyên viên, không nhai [1]
KHOÁNG CHẤT VÀ VITAMIN									
107	Calci carbonat + vitamin D3	Calci D-Hasan	1250mg + 440UI	viên nén sủi bột			X		[1]

TT	HOẠT CHẤT	TÊN THUỐC	NỒNG ĐỘ-HÀM LƯỢNG	DẠNG BÀO CHẾ	THỜI ĐIỂM DÙNG THUỐC				CHÚ Ý
					Trước khi ăn	Trong khi ăn	Sau khi ăn	Không phụ thuộc bữa ăn	
108	Vitamin B1 + B6 + B12	Neutrifore	250mg + 250mg + 1000mcg	Viên nén dài bao phim				X	[1]
109	Vitamin B1 + B6 + B12	Vitamin B1-B6-B12	115mg + 115mg + 50mcg	Viên nang mềm				X	[1]
110	Vitamin B1 + Vitamin B6 + Vitamin B12	3BTP	100mg + 200mg + 200mcg	Viên nén phân tán				X	[1]
111	Vitamin B1 + B6 + B12	Vitamin 3B-PV	100mg + 50mg + 500mcg	Viên nang cứng (cam-cam)				X	[1]
112	Vitamin B1 + B6 + B12	Tribcomplex	100mg + 200mg + 200mcg	Viên sủi				X	[1]
Tổng cộng: 112 khoản									

Tài liệu tham khảo:

1. Tờ hướng dẫn sử dụng thuốc.
2. Dược thư quốc gia Việt Nam (2022).
3. Hướng dẫn thực hành dược lâm sàng trong một số bệnh không lây nhiễm (2019) .